

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT BẢO LỘC

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
Năm học: 2025 - 2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
1	LÊ DUY AN	18/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.6	18.8	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
2	LÊ VĂN HOÀNG AN	15/05/2010	Nghệ An	Nam	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	8.9	17.9	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
3	NGUYỄN NGỌC KHÁNH AN	07/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	9	10	9	38.0	8.6	15.3	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
4	NGUYỄN TRẦN NHẬT AN	09/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	16.8	Trường THCS Chu Văn An		NV1
5	PHAN TRẦN HOÀI AN	27/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.5	17.7	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
6	BÙI PHẠM LAN ANH	05/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	17.6	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
7	DIỆM THỊ BẢO ANH	05/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	15.6	Trường THCS Phạm Văn Đồng		NV1
8	ĐINH NGỌC TRÂM ANH	31/01/2010	TP. Đà Nẵng	Nữ	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	8.4	15.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
9	ĐOÀN NGỌC MINH ANH	01/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	16.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
10	HUỶNH NGỌC TRÂM ANH	21/11/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	18.0	Trường THCS Hùng Vương		NV1
11	KIỀU NGỌC MINH ANH	04/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.7	19.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
12	LÊ NGỌC QUỲNH ANH	22/08/2010	Phú Yên	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
13	LÊ NGUYỄN HOÀI ANH	02/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	17.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
14	LÊ PHẠM HOÀNG ANH	05/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	16.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
15	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	10/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	18.1	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
16	LƯƠNG TRÚC MAI ANH	16/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.6	18.8	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
17	NGUYỄN HỒNG ANH	02/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
18	NGUYỄN HUỶNH BẢO ANH	01/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	10	10	10	10	41.0	8.9	17.2	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
19	NGUYỄN HUỶNH TRÂM ANH	09/01/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.6	18.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
20	NGUYỄN LÊ TUẤN ANH	29/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	9	39.0	8.2	15.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
21	NGUYỄN NGỌC KIỀU ANH	01/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
22	NGUYỄN NGỌC MINH ANH	20/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	15.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
23	NÔNG NGỌC TRÂM ANH	07/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Tây	1.0	0	10	10	10	10	41.0	8.8	17.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
24	PHAN CHÂU HÀ ANH	01/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
25	PHẠM NGỌC MINH ANH	02/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	18.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
26	PHẠM THÚY ANH	02/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.4	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
27	TRẦN NGỌC PHƯƠNG ANH	08/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	18.1	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
28	TRẦN NGỌC TRÂM ANH	13/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.6	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
29	TRẦN NGUYỄN QUỲNH ANH	10/02/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	16.7	Trường THCS Lộc Nga		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
30	TRẦN PHƯƠNG ANH	21/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
31	TRẦN QUỲNH ANH	03/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.5	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
32	TRƯƠNG NGỌC ANH	04/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	16.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
33	VÕ NGỌC QUỲNH ANH	07/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
34	HOÀNG NGỌC ÁNH	16/05/2010	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	9	39.0	8.2	14.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
35	NGÔ ĐỨC THIÊN ÂN	01/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.8	16.7	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
36	NGUYỄN ĐỖ HOÀI ÂN	07/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.6	15.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
37	NGUYỄN THIÊN ÂN	01/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	10	10	10	10	41.0	9.0	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
38	PHẠM ĐÌNH ÂN	20/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	9	10	39.0	8.7	16.2	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
39	PHẠM NGỌC THIÊN ÂN	12/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.4	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
40	LÊ HOÀNG BẢO	19/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
41	NGUYỄN GIA BẢO	04/04/2010	Đồng Nai	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	16.5	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
42	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	19/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	9	10	39.0	8.6	16.7	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
43	TRẦN NAM GIA BẢO	16/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	15.0	Trường THCS Hùng Vương		NV1
44	TRỊNH GIA BẢO	16/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	1.0	0	10	10	10	10	41.0	9.1	17.9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
45	TRƯƠNG GIA BẢO	10/02/2010	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.9	17.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
46	VŨ MAI GIA BẢO	30/07/2010	Đồng Nai	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.4	16.6	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
47	NGUYỄN HOÀNG BÁCH	26/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	16.2	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
48	TRẦN HUYỀN KHÁNH BĂNG	27/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.6	18.6	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
49	TRẦN NGỌC BÍCH	23/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	1.0	10	10	10	9	40.0	8.4	15.4	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
50	NGUYỄN BĂNG CHÂU	28/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.6	18.4	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
51	VŨ MINH CHÂU	01/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	16.6	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
52	ĐỖ NGỌC QUỲNH CHI	12/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	10	10	10	10	41.0	8.7	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
53	NGUYỄN LÊ KHÁNH CHI	13/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
54	TRẦN BÍCH DIỆP	25/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
55	VŨ TRẦN NGỌC DIỆP	13/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.7	Trường THCS Lộc Nga		NV1
56	NGUYỄN LÂM MỸ DUNG	19/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	8.8	16.8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
57	NGUYỄN PHI BẢO DUY	05/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	9.0	17.2	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
58	NGUYỄN NGỌC THÙY DUYÊN	02/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	16.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
59	NGUYỄN THỊ KIỀU DUYÊN	26/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	9	9	38.0	7.8	14.2	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
60	LƯU TUẤN DŨNG	01/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	18.0	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
									Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
61	TRẦN TRÍ	DŨNG	25/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	9	10	10	38.0	8.6	16.9	Trường THCS Hùng Vương		NV1
62	ĐINH THỊ THÙY	DƯƠNG	31/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	17.1	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
63	LÊ THỊ THÙY	DƯƠNG	08/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	18.3	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
64	NGUYỄN LÊ ÁNH	DƯƠNG	23/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	19.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
65	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	09/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	8.5	16.8	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
66	KHÔNG LINH	ĐAN	21/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
67	LÂM NHẬT	ĐAN	20/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	1.0	0	9	9	10	10	39.0	9.0	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
68	PHẠM NGỌC LINH	ĐAN	04/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	18.8	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
69	NGUYỄN VĂN	ĐẠI	19/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	16.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1
70	TRẦN CAO	ĐẠI	09/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.5	15.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
71	HOÀNG TIỀN	ĐẠT	23/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.8	Trường THCS Phan Chu Trình	Đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về VH, VN, TDTT	TT
72	NGUYỄN TIỀN	ĐẠT	03/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	15.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
73	VƯƠNG KHẢ	DIỄN	21/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.9	15.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
74	NGUYỄN THỰC	ĐOAN	18/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.7	16.3	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
75	HOÀNG	ĐỨC	11/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.6	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
76	NGUYỄN MINH	ĐỨC	21/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.7	16.5	Trường THCS Chu Văn An		NV1
77	PHẠM LÊ MINH	ĐỨC	24/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Hoa	1.0	0	10	10	10	10	41.0	8.6	16.2	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
78	THẦN THÀNH	ĐỨC	05/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.9	18.2	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
79	TRẦN THỊ HỒNG	GÁM	13/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.9	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
80	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG	GIANG	02/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	18.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1
81	TRẦN DIỄM QUỲNH	GIAO	13/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	8.7	16.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
82	ÂU NGỌC	HÀ	10/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	16.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
83	TẠ NGỌC	HÀ	26/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.3	14.9	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
84	TRẦN THU	HÀ	13/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	17.9	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
85	TRƯƠNG THỊ KHÁNH	HÀ	14/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1
86	VŨ KHÁNH	HÀ	19/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	18.4	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
87	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	HẢI	11/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.5	17.5	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
88	LÊ TRẦN HỒNG	HẠNH	22/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
89	NGUYỄN THANH	HẠNH	03/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	17.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
90	NGUYỄN THỊ MINH	HẰNG	03/08/2010	Hậu Giang	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	9.0	16.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
91	BUI GIA HÂN	30/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.6	Trường THCS Chu Văn An		NV1
92	DOÃN THỊ BẢO HÂN	28/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.3	15.8	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
93	ĐỖ THỊ NGỌC HÂN	07/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	16.5	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
94	HOÀNG GIA HÂN	21/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.5	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
95	HUỲNH PHẠM BẢO HÂN	05/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	18.1	Trường THCS Hùng Vương		NV1
96	NGUYỄN LÊ BẢO HÂN	11/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	18.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
97	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	01/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	15.4	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
98	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	03/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
99	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	15/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
100	PHẠM NGỌC BẢO HÂN	21/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	17.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
101	TRẦN NGUYỄN HÂN	31/03/2010	Đồng Nai	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	15.9	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
102	TRẦN NGUYỄN GIA HÂN	15/01/2010	Bình Định	Nữ	Kinh	0	0	10	10	9	10	39.0	9.0	17.9	Trường THCS Hùng Vương		NV1
103	TRỊNH KHÁNH HÂN	28/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	18.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
104	VƯƠNG NGỌC HÂN	07/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.4	Trường THCS Lộc Nga		NV1
105	TRẦN PHƯƠNG MỸ HIỀN	18/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	8.4	15.0	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
106	TRẦN THU HIỀN	20/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	10	10	10	10	41.0	8.9	16.2	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
107	ĐỖ HỒ HỮU GIA HIỀN	26/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.6	Trường THCS Hồng Bàng		NV1
108	CAO ĐĂNG HIẾU	01/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	15.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
109	ĐỖ TRUNG HIẾU	17/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	15.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
110	PHẠM MINH HIẾU	03/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	15.3	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
111	PHẠM THIÊN HIẾU	17/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	9	10	10	38.0	8.4	16.8	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
112	PHẠM TRẦN MINH HIẾU	03/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.0	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
113	TRẦN TRỌNG HIẾU	30/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	17.8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
114	LẠI HOÀNG HIỆP	10/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	17.1	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
115	NGUYỄN NGỌC QUỲNH HOA	19/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.5	19.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
116	LÊ VĂN ĐỨC HOÀ	24/06/2010	Đồng Nai	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	16.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
117	MAI THU HOÀI	15/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.3	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
118	PHẠM PHƯƠNG HOÀI	17/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
119	NGUYỄN THỊ KIM HOÀN	15/09/2010	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	9.1	18.0	Trường THCS Hùng Vương		NV1
120	BUI MINH HOÀNG	04/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	16.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
121	NGUYỄN TRẦN THÁI HOÀNG	17/09/2010	TP. Đà Nẵng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
122	VŨ MINH HOÀNG	13/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	17.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1

mm

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
123	MAI AN HÒA	01/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	17.4	Trường THCS Phan Văn Trị		NVI
124	NGUYỄN DUY HỌC	24/02/2010	Thái Bình	Nam	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	9.1	18.2	Trường THCS Hùng Vương		NVI
125	LỘC MINH HUY	19/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1.0	0	9	9	10	10	39.0	8.3	15.4	Trường THCS Quang Trung		NVI
126	NGÔ GIA HUY	02/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.5	15.6	Trường THCS Phan Văn Trị		NVI
127	NGUYỄN QUỐC HUY	07/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	9	10	10	38.0	8.8	17.8	Trường THCS Hùng Vương		NVI
128	NGUYỄN VIỆT MINH HUY	18/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	17.5	Trường THCS Phan Chu Trinh		NVI
129	PHẠM QUANG HUY	30/05/2010	Thái Bình	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	15.5	Trường THCS Quang Trung		NVI
130	TRƯƠNG VÔ GIA HUY	27/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	17.4	Trường THCS Quang Trung		NVI
131	TRẦN KHÁNH HUYỀN	12/08/2010	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	17.8	Trường THCS Quang Trung		NVI
132	TRẦN NGỌC THANH HUYỀN	31/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	9	9	38.0	8.9	17.4	Trường THCS Hùng Vương		NVI
133	ĐOÀN CHÂN HUNG	14/03/2010	Ninh Thuận	Nam	Kinh	0	0	10	10	9	10	39.0	9.1	16.5	Trường THCS Hùng Vương		NVI
134	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH HUNG	06/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	16.1	Trường THCS Quang Trung		NVI
135	NGUYỄN GIA HUNG	26/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	15.9	Trường THCS Phan Bội Châu		NVI
136	NGUYỄN LÂM GIA HUNG	28/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	9	10	39.0	8.6	16.2	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NVI
137	PHẠM THẾ HUNG	16/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	17.1	Trường THCS Phan Văn Trị		NVI
138	TRẦN KHÁNH HUNG	11/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	0	0	9	9	10	10	38.0	8.6	16.3	Trường THCS Quang Trung		NVI
139	VŨ MINH HUNG	22/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	15.9	Trường THCS Quang Trung		NVI
140	LÃ KIỀU THU HƯƠNG	27/10/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	18.6	Trường THCS Phan Chu Trinh		NVI
141	NGÔ THỊ QUỲNH HƯƠNG	21/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.7	Trường THCS Lộc Sơn		NVI
142	NGUYỄN HOÀNG THIÊN HƯƠNG	17/05/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.5	18.7	Trường THCS Lộc Nga		NVI
143	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	23/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.5	16.3	Trường THCS Phan Bội Châu		NVI
144	NGUYỄN QUỲNH HƯƠNG	22/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	9.4	17.8	Trường THCS Lộc Sơn		NVI
145	TRƯƠNG TRỊNH NGỌC HƯƠNG	11/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	18.1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NVI
146	NGUYỄN NGỌC HỮU	04/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	10	9	10	10	40.0	8.9	16.5	Trường THCS Quang Trung		NVI
147	ĐẶNG HIẾU GIA KHANG	16/07/2010	Bình Định	Nam	Kinh	0	0	10	10	9	10	39.0	8.6	14.4	Trường THCS Quang Trung		NVI
148	ĐÌNH NGỌC BẢO KHANG	17/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	9	39.0	8.0	13.5	Trường THCS Quang Trung		NVI
149	ĐÌNH NHẬT KHANG	02/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	16.2	Trường THCS Quang Trung		NVI
150	HOÀNG BẢO KHANG	12/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.5	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NVI
151	HOÀNG TUẤN KHANG	05/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.2	Trường THCS Lộc Sơn		NVI
152	NGUYỄN NGỌC BẢO KHANG	28/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.9	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NVI
153	NGUYỄN THÁI KHANG	03/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	15.8	Trường THCS Quang Trung		NVI
154	THIỆU BẢO KHANG	26/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	18.9	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng		NVI

mm

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
									Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
155	TRẦN BẢO	KHANG	11/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.5	14.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
156	TRẦN ĐỖ BẢO	KHANG	26/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	16.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
157	TRẦN TUẤN	KHANG	20/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.6	14.8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
158	VŨ MINH	KHANG	14/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
159	TRƯƠNG LÊ TUỆ	KHANH	24/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	1.0	0	10	10	10	10	41.0	9.2	18.0	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
160	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	02/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	16.3	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
161	NGUYỄN VŨ NGÂN	KHÁNH	24/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.8	17.1	Trường THCS Hùng Vương		NV1
162	TRỊNH PHÚC QUỐC	KHÁNH	02/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	16.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1
163	TRƯƠNG THỊ KIM	KHÁNH	14/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.7	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
164	LÂM ĐỖ ĐĂNG	KHOA	26/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	16.0	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
165	NGUYỄN HUỲNH ANH	KHOA	06/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	15.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
166	NGUYỄN NGỌC ĐĂNG	KHOA	13/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	17.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
167	NGUYỄN VIỆT TUẤN	KHOA	09/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
168	TRẦN ĐỨC	KHOA	05/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	17.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
169	BÙI ĐÀO BẢO	KHÔI	06/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	9	9	9	37.0	7.7	14.4	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
170	NGUYỄN ANH	KHÔI	09/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	15.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
171	NGUYỄN ĐĂNG	KHÔI	28/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.5	14.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
172	PHAN ANH	KHÔI	27/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.4	15.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
173	BẠCH KIM CHÍ	KIÊN	07/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	15.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
174	ĐỖ TUẤN	KIỆT	06/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	16.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
175	LƯU TUẤN	KIỆT	26/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.2	15.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
176	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	16/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.7	16.9	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
177	NGUYỄN THỊ ÁNH	KIM	27/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.8	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
178	TRỊNH HOÀNG THIÊN	KIM	28/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	9.1	18.0	Trường THCS Hồng Bàng		NV1
179	PHẠM NGỌC KHÁNH	LAM	15/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.6	19.6	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
180	VŨ THÙY TRÚC	LAM	08/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.0	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
181	HOÀNG NGỌC HƯƠNG	LAN	30/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	18.0	Trường THCS Chu Văn An		NV1
182	BÙI NGỌC QUÊ	LÂM	27/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	15.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
183	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	LÂM	16/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.5	14.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
184	NGUYỄN NGỌC TUỆ	LÂM	24/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	9	9	9	37.0	8.3	14.5	Trường THCS Hùng Vương	Khuyết tật	TT
185	BÙI TRỊNH KHÁNH	LINH	31/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	16.4	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
186	ĐẶNG PHƯƠNG	LINH	01/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	8.9	16.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
187	ĐẬU HÀ	LINH	17/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	16.7	Trường THCS Quang Trung		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
188	LÊ NGỌC THẢO LINH	18/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.5	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
189	NGUYỄN HÀ KHÁNH LINH	18/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.7	Trường THCS Lộc Nga		NV1
190	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	10/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.5	Trường THCS Chu Văn An		NV1
191	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	08/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	9	39.0	8.5	15.6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
192	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	16/02/2010	Bình Thuận	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
193	NGUYỄN TRẦN GIA LINH	24/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.0	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
194	NGUYỄN TRẦN KHÁNH LINH	20/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	8.6	16.7	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
195	PHẠM TRẦN KHÁNH LINH	02/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	18.0	Trường THCS Đại Lào		NV1
196	TÀO TÂN LINH	02/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	15.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
197	TRẦN HOÀNG TRÚC LINH	08/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	18.2	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
198	TRẦN PHƯƠNG LINH	04/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	17.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
199	HOÀNG BẢO LONG	17/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	16.5	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
200	HOÀNG TRẦN HẢI LONG	06/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	17.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1
201	NGUYỄN ĐỨC LONG	23/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.8	16.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
202	PHẠM TRÍ LUÂN	05/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	16.5	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
203	NGUYỄN ĐỨC CHỈ LƯƠNG	26/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
204	ĐINH HỒNG TÚ LY	18/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	17.2	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
205	NGUYỄN CẨM LY	02/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.2	Trường THCS Hồng Bàng		NV1
206	TRẦN TRÚC LY	04/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.2	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
207	ĐÀO MAI	04/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	18.3	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
208	TRẦN MINH MÃN	05/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.7	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
209	HOÀNG NHẬT MINH	31/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
210	LƯƠNG ĐỨC MINH	18/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	14.6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
211	NGUYỄN ĐỖ HOÀNG MINH	17/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	18.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
212	NGUYỄN NGUYỄN MINH	31/07/2010	An Giang	Nam	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	8.3	14.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
213	NGUYỄN TUẤN MINH	23/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	15.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
214	TRẦN CÔNG MINH	15/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.7	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
215	TRẦN HỮU GIA MINH	18/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
216	ĐOÀN PHẠM HÀ MY	08/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	16.7	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
217	NGUYỄN VŨ HÀ MY	07/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	17.0	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
218	ĐẶNG HẢI NAM	24/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	14.2	Trường THCS Quang Trung		NV1

mm

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
219	LÊ QUỐC NAM	01/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,0	16,5	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
220	LÊ TRẦN QUỲNH	08/07/2010	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	0	0	10	9	10	10	39,0	8,9	17,2	Trường THCS Hồng Bàng		NV1
221	BÙI BẢO	29/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,2	17,7	Trường THCS Lộc Nga		NV1
222	ĐÀO NGỌC KHÁNH	29/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,3	17,6	Trường THCS Quang Trung		NV1
223	ĐẶNG HOÀNG	06/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,3	18,2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
224	HỒ NGUYỄN BẢO	13/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,2	16,8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
225	NGUYỄN NGỌC BẢO	04/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,0	16,4	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
226	THÁI KIM	12/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	8,8	16,0	Trường THCS Quang Trung		NV1
227	TRẦN HOÀNG	26/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,0	16,7	Trường THCS Quang Trung		NV1
228	VÕ LÊ PHƯƠNG	25/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,3	17,9	Trường THCS Lộc Nga		NV1
229	LÊ TUẤN	21/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	8,4	15,5	Trường THCS Lộc Thành		NV1
230	BÙI KHÁNH	18/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,2	16,9	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
231	CAO KHÁNH	29/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	8,3	16,9	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
232	ĐẶNG THỊ NHƯ	16/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39,0	9,1	18,0	Trường THCS Hùng Vương		NV1
233	HOÀNG BẢO	13/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,3	18,6	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
234	LỮ THỊ NHƯ	16/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,4	18,2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
235	NGUYỄN ĐOÀN KHÁNH	28/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	8,5	16,1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
236	NGUYỄN HOÀNG BẢO	07/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,3	18,1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
237	NGUYỄN HOÀNG THẢO	04/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	8,4	16,2	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
238	NGUYỄN KHÁNH ANH	03/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	8,9	16,3	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
239	NGUYỄN PHAN THU	25/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	8,9	17,4	Trường THCS Hùng Vương		NV1
240	NGUYỄN VŨ BẢO	08/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	8,7	15,6	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
241	PHẠM THỊ BẢO	06/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,3	17,6	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
242	TRẦN BẢO	21/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,1	17,5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
243	TRƯƠNG BẢO	23/03/2010	Đồng Nai	Nữ	Kinh	1,0	0	10	10	9	10	40,0	8,5	15,5	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
244	TRƯƠNG HÀ BẢO	02/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	9	10	10	39,0	9,0	17,6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
245	TRƯƠNG HOÀNG BẢO	21/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	8,1	14,6	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
246	VŨ BẢO	13/03/2010	Nam Định	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,9	19,4	Trường THCS Lộc Nga		NV1
247	VŨ NGUYỄN THANH	24/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	9,4	17,8	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
248	ĐÀO KHÔI	28/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	0	0	10	10	9	9	38,0	7,9	13,8	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
249	ĐỒNG Ý	14/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0,5	10	10	10	10	40,5	9,5	18,5	Trường THCS Quang Trung		NV1
250	HOÀNG TRẦN THẢO	08/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40,0	8,8	16,5	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1

mm

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán+ văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
									Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
251	HOÀNG VŨ KHÁNH	NGUYỄN	05/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	17.3	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
252	LÊ KIỀU	NGUYỄN	30/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.4	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
253	LÊ THANH THẢO	NGUYỄN	05/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	17.8	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
254	LÊ VIỆT HOÀNG	NGUYỄN	15/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	15.8	Trường THCS Hồng Bàng		NV1
255	LƯU	NGUYỄN	25/08/2010	Nghệ An	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	16.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
256	NGUYỄN HỮU BẢO	NGUYỄN	16/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.8	17.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
257	NGUYỄN TRẦN PHÚC	NGUYỄN	25/12/2010	Thanh Hóa	Nam	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	8.3	15.9	Trường THCS Hùng Vương		NV1
258	TRẦN CÔNG KỶ	NGUYỄN	18/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.4	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
259	VŨ NGUYỄN BẢO	NGUYỄN	20/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.3	16.8	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
260	LÊ THANH	NHÂN	23/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.6	16.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
261	NGUYỄN SONG THANH	NHÃ	08/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.3	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
262	NGUYỄN VŨ PHI	NHẬN	05/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	18.6	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
263	HỒ TRỌNG	NHÂN	22/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.9	17.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
264	NGUYỄN HOÀI	NHÂN	13/06/2010	Phú Yên	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.2	15.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
265	NGUYỄN THIÊN	NHÂN	26/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
266	LÊ VĂN	NHẬT	06/08/2010	Nghệ An	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	14.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
267	NGUYỄN MINH	NHẬT	13/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	16.3	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
268	NGUYỄN TẤN ANH	NHẬT	27/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	16.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
269	TRẦN HOÀNG MINH	NHẬT	18/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	16.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
270	DƯƠNG HOÀNG SAO	NHI	28/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	16.2	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
271	ĐẶNG HUỖNH THIÊN	NHI	09/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	10	10	10	10	41.0	9.3	18.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
272	NGUYỄN BẢO	NHI	09/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.8	17.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
273	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NHI	10/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.5	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
274	NGUYỄN NGỌC BẢO	NHI	21/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	16.0	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
275	NGUYỄN VŨ BẢO	NHI	05/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
276	TRẦN NGỌC BẢO	NHI	09/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
277	TRẦN NGỌC YẾN	NHI	27/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	17.1	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
278	TRẦN NGỌC Ỡ	NHI	05/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.9	Trường THCS Hùng Vương		NV1
279	TRƯƠNG BẢO	NHI	03/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
280	VŨ HỒNG YẾN	NHI	28/10/2010	Đồng Nai	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.3	17.2	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
281	PHẠM NGUYỄN HAO	NHIÊN	14/08/2010	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	16.6	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
282	NGUYỄN MINH	NHUNG	25/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	16.0	Trường THCS Quang Trung		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
283	HUỖNH LÊ QUỖNH NHƯ	07/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	18.0	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng		NV1
284	LÊ NGUYỄN QUỖNH NHƯ	28/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.2	14.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
285	NGUYỄN HÀ NHƯ	01/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.5	17.6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
286	NGUYỄN HUỖNH THUY NHƯ	17/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	17.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
287	PHẠM NGỌC YẾN NHƯ	08/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.6	19.0	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
288	TRẦN HOÀNG THẢO NHƯ	01/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	9.1	17.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
289	MÃN THỊ KHÁNH NINH	21/05/2010	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.5	17.3	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
290	ĐẶNG THỊ TRÁ NY	13/10/2010	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	0	0	9	9	10	10	38.0	9.2	17.2	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
291	CHU MINH PHÁT	08/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.9	16.8	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
292	NGUYỄN ĐỨC PHÁT	04/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.6	16.9	Trường THCS Hùng Vương		NV1
293	TRẦN MINH TIẾN PHÁT	20/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.8	16.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
294	CHU HỒNG PHONG	15/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	15.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
295	NGUYỄN HOÀNG PHONG	19/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	18.3	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng		NV1
296	NGUYỄN MINH PHONG	22/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.5	14.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
297	NGUYỄN THANH PHONG	06/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	9	9	38.0	8.4	14.6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
298	BÙI THÀNH PHÚ	18/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
299	NGUYỄN TÂN PHÚ	17/10/2010	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.3	16.7	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
300	VÕ VĂN PHÚ	05/11/2010	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	16.6	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
301	PHẠM LÊ ANH PHÚC	14/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	9	10	10	38.0	8.6	17.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
302	TRẦN HỒNG PHÚC	12/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	9	10	10	10	40.0	8.4	14.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
303	TRẦN THIÊN PHÚC	01/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	16.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
304	CHÂU KHÁNH PHƯƠNG	25/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.0	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
305	LÂM MAI PHƯƠNG	10/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	17.5	Trường THCS Lộc Nga		NV1
306	NGUYỄN HÀ TRÚC PHƯƠNG	05/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	16.7	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
307	TRẦN NHẬT PHƯƠNG	26/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.1	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
308	TRẦN THỊ BẢO PHƯƠNG	14/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	18.5	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
309	ĐẶNG PHÚ PHƯỚC	25/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.4	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
310	NGUYỄN AN MINH PHƯỚC	13/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	18.2	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
311	LÊ THỊ BÍCH PHƯƠNG	05/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.4	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
312	TRẦN NGUYỄN QUỖNH PHƯƠNG	21/09/2010	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	18.1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
313	BÙI HOÀNG QUÂN	17/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
314	BÙI TRẦN MINH QUÂN	30/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	9.2	17.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1
315	NGUYỄN MINH QUÂN	20/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	9.1	17.6	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
316	TRẦN MINH QUÂN	23/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.2	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
317	TRƯƠNG MINH QUÂN	29/01/2010	Quảng Nam	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.7	15.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
318	VŨ QUÂN	02/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.0	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
319	ĐỖ THỊ THỰC QUYÊN	11/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
320	NGUYỄN BẢO TỬ QUYÊN	04/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
321	NGUYỄN HỒNG BẢO QUYÊN	07/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	16.9	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
322	PHẠM NGÔ LỆ QUYÊN	18/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	9	9	10	37.0	8.7	16.2	Trường THCS Lộc Nga		NV1
323	ĐẶNG NHƯ QUỲNH	10/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.9	Trường THCS Đại Lào		NV1
324	LÊ BẢO QUỲNH	07/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	18.5	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
325	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	13/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	15.9	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
326	TRẦN PHƯƠNG QUỲNH	27/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	17.3	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
327	TRẦN THỊ DIỄM QUỲNH	01/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	9	10	39.0	8.8	16.8	Trường THCS Lộc Nga		NV1
328	VŨ NGỌC KHÁNH QUỲNH	08/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	8.9	16.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
329	ĐỖ NGỌC QUÝ	04/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	16.2	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
330	TRƯƠNG HOÀNG QUÝ	26/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.7	16.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
331	NGUYỄN SANG SANG	03/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	9	10	39.0	8.5	15.8	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
332	VŨ PHÚC SANG	11/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
333	HÀ NGỌC THÁI SƠN	15/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.7	15.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
334	VŨ HOÀI SƠN	01/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	16.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
335	NGUYỄN ĐỨC TÀI	03/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	8.9	16.6	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
336	NGUYỄN PHẠM ĐỨC TÀI	21/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.5	18.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
337	CHU MINH TÂM	01/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.5	14.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
338	HOÀNG NHƯ TÂM	18/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.6	15.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
339	NGUYỄN MINH TÂM	27/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	9	10	39.0	8.8	15.7	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
340	BÙI TRƯỜNG THÀNH	08/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.4	Trường THCS Chu Văn An		NV1
341	ĐÀO TIỀN THÀNH	23/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	16.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
342	ĐÀO TRUNG THÀNH	10/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	16.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
343	HÀ NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	31/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.1	Trường THCS Quang Trung		NV1
344	HUỶNH NGỌC PHƯƠNG THẢO	06/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	9.2	17.7	Trường THCS Hùng Vương		NV1
345	TẠ PHƯƠNG THẢO	27/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	9	10	10	38.0	8.9	17.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1

mm

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
346	NGUYỄN NGỌC BẢO THÁI	28/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.3	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
347	NGUYỄN NGỌC THẠCH	01/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	9	10	38.0	8.4	15.4	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
348	NGUYỄN ĐỨC THẾ	10/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	18.4	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng		NV1
349	NGUYỄN VŨ HOÀNG THIÊN	27/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	19.4	Trường THCS Đại Lào		NV1
350	HOÀNG PHẠM ANH THIÊN	04/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	0	0	10	9	9	10	38.0	8.4	16.1	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
351	LÊNH DIỆU THỊNH	05/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Hoa	1.0	0	10	10	10	10	41.0	9.2	18.4	Trường THCS Trần Quốc Toàn		NV1
352	NGUYỄN CÔNG THỊNH	13/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.6	16.6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
353	PHẠM ĐỨC THỊNH	06/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	18.0	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
354	HUỶNH NGUYỄN THÓNG	08/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.3	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
355	NGUYỄN HỒNG THU	30/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.7	17.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
356	TRẦN ĐỨC THUẬN	17/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	9	10	39.0	8.5	16.1	Trường THCS Chu Văn An		NV1
357	TRẦN MINH THUẬN	10/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	16.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
358	ĐÌNH TÔ LỮ HUYỀN THU	01/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	15.8	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
359	HOÀNG ANH THU	12/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.1	Trường THCS Hùng Vương		NV1
360	LÊ HOÀNG ANH THU	16/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.2	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
361	LÊ MINH THU	25/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.6	Trường THCS Lộc Nga		NV1
362	LÊ NGUYỄN THANH THU	11/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	18.1	Trường THCS Trần Quốc Toàn		NV1
363	NGUYỄN BẢO MINH THU	02/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.0	Trường THCS Hùng Vương		NV1
364	NGUYỄN HÀ SONG THU	05/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	9	10	39.0	8.7	16.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
365	NGUYỄN NGỌC ANH THU	18/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.3	Trường THCS Đồng Nai		NV1
366	NGUYỄN THỊ ANH THU	05/02/2010	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.7	17.2	Trường THCS Trần Quốc Toàn		NV1
367	NGUYỄN VŨ NGÂN THU	24/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.2	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
368	TRẦN NGỌC ANH THU	25/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	9	39.0	8.2	14.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
369	VŨ THỊ ANH THU	02/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.7	Trường TH, THCS & THPT Quốc Tế Châu Á Thái Bình Dương Bảo Lộc		NV1
370	VŨ ANH THU	08/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	16.9	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
371	VŨ QUỲNH THU	02/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	17.2	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
372	BÙI THỊ HOÀI THƯƠNG	28/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	9.1	17.8	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
373	PHẠM NGỌC KHÁNH THY	07/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.8	15.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
374	PHẠM VŨ HOÀI THY	23/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.2	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
375	KA NGỌC THÚY TIÊN	01/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mạ	1.0	0	10	9	10	10	40.0	9.0	16.3	Trường THCS Lộc Sơn		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
376	PHẠM NGỌC BẢO TIỀN	30/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
377	ĐÀO ĐỨC THÀNH TIẾN	16/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.3	15.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
378	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	01/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	1.0	10	10	10	10	41.0	8.5	15.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
379	LÊ NGUYỄN HOÀNG TIN	20/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
380	ĐỖ THỊ NGỌC TRANG	10/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
381	LẠI THỊ THÙY TRANG	17/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.9	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
382	NGUYỄN HOÀNG XUÂN TRANG	06/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	10	10	10	10	41.0	8.8	18.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1
383	PHÙNG HƯƠNG TRANG	22/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.2	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
384	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	02/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	17.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
385	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	17/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.7	Trường THCS Lộc Nga		NV1
386	NGUYỄN NGỌC QUỲNH TRÂM	24/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0.5	10	10	10	10	40.5	9.7	18.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
387	TRẦN HUYỀN TRÂM	03/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.6	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
388	NGUYỄN HOÀNG TUỆ TRẦN	29/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	18.0	Trường THCS Lộc Nga		NV1
389	NGUYỄN KHÁNH TRẦN	20/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	16.5	Trường THCS Quang Trung		NV1
390	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN	23/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.7	17.0	Trường THCS Quang Trung		NV1
391	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN	03/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
392	PHAN BẢO TRẦN	11/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	9	39.0	8.5	15.0	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
393	PHAN NGỌC BẢO TRẦN	01/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.7	15.8	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
394	TRẦN NGỌC BẢO TRẦN	06/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.5	18.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
395	TRƯƠNG NGỌC BẢO TRẦN	17/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.0	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
396	NGUYỄN MINH TRIẾT	19/07/2010	Nam Định	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	16.4	Trường THCS Quang Trung		NV1
397	MAI THỊ PHƯƠNG TRINH	26/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.7	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
398	LƯƠNG ĐĂNG TRÍ	18/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.3	Trường THCS Quang Trung		NV1
399	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	13/01/2010	Đồng Nai	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	17.0	Trường THCS Trần Quốc Toản		NV1
400	NGUYỄN TÂN TRỌNG	15/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.8	16.7	Trường THCS Quang Trung		NV1
401	VŨ ĐÌNH TRỌNG	01/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.3	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
402	NGUYỄN THÀNH TRUNG	01/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	18.1	Trường THCS Hồng Bàng		NV1
403	LÊ NGỌC THANH TRÚC	21/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.0	Trường THCS Phan Chu Trinh		NV1
404	LÊ THANH TRÚC	26/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	17.4	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
405	NGUYỄN NGỌC KHÁNH TRÚC	16/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	9	9	38.0	7.7	13.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
406	NGUYỄN NGỌC THỦY TRÚC	17/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.4	18.0	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
									Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
407	NGUYỄN THANH	TRÚC	22/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.6	19.0	Trường THCS Hùng Vương		NV1
408	PHAN THANH	TRÚC	13/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	9	10	38.0	8.5	16.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
409	HỒ BẢO THIÊN	TRƯỜNG	12/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.4	Trường THCS Lộc Sơn		NV1
410	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	18/07/2010	Kiên Giang	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	18.1	Trường THCS Phan Chu Trình		NV1
411	TRẦN VŨ NHẬT	TRƯỜNG	12/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	16.8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
412	LÊ HOÀNG	TUẤN	26/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.5	18.2	Trường THCS Hùng Vương		NV1
413	LÊ QUỐC	TUẤN	13/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.6	16.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1
414	TÔ DIỆP THANH	TÙNG	06/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	15.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
415	NGUYỄN MINH	TÚ	25/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	0	0	10	10	9	10	39.0	8.7	15.9	Trường THCS Hùng Vương		NV1
416	HOÀNG GIA CÁT	TUÔNG	19/09/2010	Bình Dương	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	18.2	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
417	VÔ THỤY CÁT	TUÔNG	03/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	17.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
418	ĐÀO VĂN NGỌC	TÚ	19/04/2010	Thanh Hóa	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.8	17.3	Trường THCS Lộc Nga		NV1
419	CHU NGỌC THẢO	UYÊN	22/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.3	17.6	Trường THCS Quang Trung		NV1
420	HOÀNG KHÁNH	UYÊN	03/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	18.1	Trường THCS Lộc Quảng		NV1
421	LÊ BẢO	UYÊN	12/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.5	Trường THCS Hồng Bàng		NV1
422	PHẠM NHÃ	UYÊN	21/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	16.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
423	ĐẶNG NGỌC KHÁNH	VÂN	20/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.6	18.5	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
424	NGÔ THIÊN	VÂN	01/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.4	16.3	Trường THCS Phan Bội Châu		NV1
425	NGUYỄN TRẦN VY	VÂN	21/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.8	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
426	NGUYỄN MINH	VI	02/07/2010	Sóc Trăng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.5	18.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1
427	PHẠM THANH	VI	07/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	18.7	Trường THCS Đại Lào		NV1
428	PHAN TRẦN TUẤN	VINH	27/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	9	39.0	8.6	15.7	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
429	NGUYỄN DANH HUY	VŨ	22/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0	0	10	10	10	10	41.0	8.6	16.4	Trường THCS Hùng Vương		NV1
430	PHAN HUY	VŨ	22/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.6	17.0	Trường THCS Hồng Bàng		NV1
431	ĐỖ QUẢN	VƯƠNG	28/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	8.6	16.2	Trường THCS Quang Trung		NV1
432	ĐẶNG NGỌC THANH	VY	12/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.8	15.0	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi		NV1
433	HOÀNG LÊ TƯỜNG	VY	17/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.9	Trường TH & THCS Lê Lợi		NV1
434	LÊ ĐÀM BẢO	VY	31/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0	0	10	10	10	10	41.0	9.6	18.8	Trường THCS Hùng Vương		NV1
435	LÊ NGUYỄN TƯỜNG	VY	06/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	8.8	18.3	Trường THCS Hùng Vương		NV1
436	LÊ THẢO	VY	03/01/2010	TP. Hà Nội	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.0	15.9	Trường THCS Quang Trung		NV1
437	NGUYỄN CAO THẢO	VY	12/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.7	Trường THCS Chu Văn An		NV1
438	NGUYỄN CÁT TƯỜNG	VY	14/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.2	17.1	Trường THCS Quang Trung		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
439	NGUYỄN ĐÌNH KHANG VY	05/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	17.1	Trường THCS Hùng Vương		NV1
440	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VY	09/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.5	18.6	Trường THCS Hùng Vương		NV1
441	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG VY	29/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	8.9	16.9	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
442	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	31/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.8	Trường THCS Quang Trung		NV1
443	PHAN ĐẶNG KIỀU VY	13/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	9	10	10	39.0	8.8	17.2	Trường THCS Đại Lào		NV1
444	PHẠM THỊ YẾN VY	19/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	8.7	17.2	Trường TH & THCS Lê Lợi		NV1
445	PHẠM TƯỜNG VY	04/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.7	Trường THCS Phan Văn Trị		NV1
446	NGUYỄN THẾ XUÂN	11/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	9.0	18.0	Trường THCS Hùng Vương		NV1
447	PHẠM THỊ BẢO YẾN	29/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	9	10	10	10	39.0	9.1	18.8	Trường THCS Đại Lào		NV1
448	ĐÌNH NHƯ Ý	25/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.5	18.9	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng		NV1
449	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	17/03/2010	Phú Yên	Nữ	Kinh	0	0	10	10	10	10	40.0	9.1	17.5	Trường THCS Hùng Vương		NV1

Danh sách này có 449 học sinh./.

DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN SINH CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Công nhận trúng tuyển 449 học sinh, trong đó:

- Số HS tuyển thẳng: 2 HS gồm: HS trường PT DTNT : 0 HS, HS khuyết tật: 1 HS
- Số HS nguyện vọng 1: 447 HS,
Điểm chuẩn NV1 gồm: Tổng điểm: 37.0 điểm; Điểm TBCN lớp 9: 7.7 Điểm; Điểm Toán + Văn: 14.4 điểm
- Số HS nguyện vọng 2: 0 HS,
Điểm chuẩn NV2 gồm: Tổng điểm: ... điểm; Điểm TBCN lớp 9: ... Điểm; Điểm Toán + Văn: ... điểm
- Số lớp: 11 lớp; Sĩ số: 41 HS/lớp

Lâm Đồng, ngày 02 tháng 7 năm 2025



K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Đức Lợi



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thùy Phương